

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;

Căn cứ Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;

Căn cứ Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;

Căn cứ Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên;

Căn cứ Thông tư số 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 228/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;

Căn cứ Thông tư số 87/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 91/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn đăng ký thành lập, tổ chức và hoạt động Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Quản lý các công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBCK (để bc);
- Lưu: VT, CNTT, 120b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Liên Hoa

**QUY CHẾ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
QUẢN LÝ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUỸ ĐẦU TƯ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành theo Quyết định số 14 /QĐ-UBCK ngày 09 tháng 01 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) để thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo hình thức điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đối tượng là Công ty quản lý quỹ, Văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ nước ngoài (Văn phòng đại diện), Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài (Chi nhánh tại Việt Nam), Ngân hàng lưu ký và các tổ chức, cá nhân có liên quan (sau đây gọi tắt là Thành viên).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *FMS (Fund Management System)* là Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư của UBCKNN.
2. *Phần mềm hỗ trợ* là phần mềm do UBCKNN cung cấp cho Thành viên dùng để kết nối và gửi báo cáo theo quy định đến FMS.
3. *Mật khẩu phức tạp* là mật khẩu đáp ứng yêu cầu sau:
 - Có tối thiểu 8 ký tự;
 - Gồm tối thiểu 3 trong số 4 loại ký tự sau: chữ cái viết hoa (A-Z), chữ cái viết thường (a-z), chữ số (0-9), các ký tự khác trên bàn phím máy tính (~,!,...).
4. *Chứng thư số công cộng* là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định của pháp luật cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng trong các hoạt động công cộng.
5. *Token* là thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông để lưu trữ chứng thư số và khóa bí mật của người sử dụng.
6. *File biểu mẫu* là các tệp tin excel được quy định sẵn trên FMS để Thành viên tải về, nhập dữ liệu và gửi báo cáo.

7. *File đính kèm* là báo cáo dạng tệp dữ liệu điện tử do Thành viên lập theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành về gửi báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. *Cục Công nghệ Thông tin (CNTT) - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước* là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm hỗ trợ các Thành viên về mặt kỹ thuật khi tham gia hệ thống FMS.

9. *Vụ quản lý các công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán (QLQ) - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước* là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm hỗ trợ liên quan đến nghiệp vụ của Thành viên khi tham gia sử dụng hệ thống FMS.

Điều 4. Hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài khoản

1. Tài khoản truy cập FMS bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu. Mỗi Thành viên được cấp một tài khoản chính và có thể đăng ký để được cấp thêm tài khoản phụ.

- Tài khoản chính cho phép người dùng thực hiện tất cả các chức năng của hệ thống FMS dành cho Thành viên.

- Tài khoản phụ cho phép người dùng thực hiện tạo lập báo cáo, nhưng không được phép gửi báo cáo và công bố thông tin.

2. Thành viên phải quản lý, sử dụng và bảo mật tài khoản được cấp, phải thay đổi mật khẩu tại lần đầu tiên đăng nhập và tối thiểu ba tháng một lần. Mật khẩu phải được thiết lập theo quy định tại Khoản 3, Điều 3, Quy chế này.

3. Trường hợp phát hiện nguy cơ lộ thông tin tài khoản hoặc quên mật khẩu người dùng, Thành viên liên hệ với Cục CNTT để được hướng dẫn cấp lại. Việc báo cáo và công bố thông tin được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 5. Quy định về bảo mật và đảm bảo an toàn dữ liệu

1. Thành viên có trách nhiệm bảo đảm thông tin là đầy đủ, chính xác, cập nhật kịp thời và được bảo mật theo quy định của pháp luật trước khi báo cáo và công bố thông tin cho UBCKNN qua hệ thống FMS.

2. Thành viên phải sử dụng chứng thư số công cộng có giá trị pháp lý và đã được đăng ký với UBCKNN để gửi báo cáo và công bố thông tin cho UBCKNN qua FMS. Việc cung cấp chữ ký số công cộng do các nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thực hiện.

3. Thành viên sử dụng FMS phải tuân thủ quy định về phân quyền sử dụng, tuyệt đối không được phát tán virus máy tính, không được sử dụng tài khoản không phải của mình để thâm nhập hệ thống.

4. Thành viên không được thay đổi định dạng biểu mẫu báo cáo trên FMS. Trường hợp cần thay đổi, sửa chữa phải có văn bản đề nghị và phải được sự đồng ý của UBCKNN.

Điều 6. Các yêu cầu đối với dữ liệu của báo cáo

1. Định dạng file báo cáo:

- File biểu mẫu được định dạng file Microsoft Excel. Thành viên chỉ sử dụng file biểu mẫu được tải về từ FMS, không được thêm/xóa các Sheet trong file biểu mẫu, phải đảm bảo thứ tự của các cột, thứ tự các mã chỉ tiêu khi thực hiện nhập dữ liệu báo cáo vào file biểu mẫu.

- File đính kèm phải được định dạng file PDF hoặc Microsoft Word hoặc Microsoft Excel và chứng thực bằng chữ ký số.

2. Định dạng font chữ: Thông tin nhập vào FMS phải sử dụng **Tiếng Việt** với font chữ Tiếng Việt Unicode TCVN 6909:2001.

Điều 7. Thời điểm báo cáo và công bố thông tin

1. Thời điểm báo cáo và công bố thông tin được xác định là thời điểm FMS nhận được thông tin và được thông báo trên nhãn thời gian trong Email phản hồi lại cho Thành viên theo địa chỉ đã đăng ký với UBCKNN.

2. Trường hợp Thành viên không nhận được email phản hồi từ FMS, thời điểm báo cáo và công bố thông tin được xác định là giá trị tương ứng tại cột Ngày gửi báo cáo trên cửa sổ Lịch sử gửi báo cáo của Phần mềm hỗ trợ.

Điều 8. Xử lý sự cố

1. Trường hợp Hệ thống FMS của UBCKNN gặp sự cố, UBCKNN thông báo cho Thành viên thông qua cổng thông tin điện tử của UBCKNN hoặc qua email của Thành viên ngay trong ngày làm việc.

2. Trường hợp hệ thống của Thành viên có sự cố dẫn đến không gửi được báo cáo, Thành viên thông báo cho Cục CNTT ngay trong ngày làm việc.

3. Đối với sự cố hệ thống nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, Thành viên gửi báo cáo bằng văn bản hoặc file điện tử có chữ ký số đến địa chỉ nêu tại Khoản 2, Điều 17, Quy chế này. Trong trường hợp này, thời gian nhận thông tin bằng văn bản được xác định theo dấu bưu điện gửi đến UBCKNN, thời gian nhận thông tin qua email được xác định theo thời gian nhận được email hiển thị trên phần mềm nhận thư của UBCKNN.

Sau khi sự cố được khắc phục, UBCKNN hoặc Thành viên thực hiện thông báo theo các hình thức được nêu tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều này ngay trong ngày làm việc và Thành viên gửi lại báo cáo điện tử qua FMS.

Điều 9. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin

Việc báo cáo và công bố thông tin của Thành viên qua FMS được coi là Thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Quy trình cấp tài khoản

Quy trình cấp tài khoản cho các đối tượng tham gia sử dụng FMS như sau:

Bước 1: Thành viên hoàn thiện phiếu đăng ký tham gia sử dụng FMS theo mẫu tại Phụ lục 01 của Quy chế này và gửi tới Cục CNTT.

Bước 2:

- Trường hợp Phiếu đăng ký hợp lệ, Cục CNTT căn cứ các thông tin trên Phiếu đăng ký để thực hiện tạo lập tài khoản, phân quyền sử dụng FMS cho Thành viên. Cục CNTT gửi cho Thành viên thông tin về tài khoản sử dụng FMS theo mẫu Phụ lục 2 Quy chế này trong vòng ba (03) ngày làm việc.

- Trường hợp Phiếu đăng ký không hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc, Cục CNTT gửi thông báo bằng văn bản cho Thành viên và nêu rõ lý do.

Bước 3: Ngay sau khi nhận được thông tin về tài khoản, Thành viên thực hiện cài đặt Phần mềm hỗ trợ, thực hiện kết nối, đổi mật khẩu tài khoản, đăng ký chữ ký số theo hướng dẫn trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng.

Điều 11. Yêu cầu về thiết bị để kết nối FMS

1. Máy tính sử dụng để gửi báo cáo qua FMS phải đáp ứng các yêu cầu như sau:

- Cấu hình tối thiểu:

+ Bộ xử lý: Intel Dual Core 2.4Ghz

+ Bộ nhớ RAM: 2 GB DDR3

+ Dung lượng ổ cứng: 250 GB

- Phần mềm cài đặt tối thiểu không thấp hơn:

+ Hệ điều hành: Windows 7;

+ Microsoft .NetFramework 4 Service pack 1;

+ Microsoft Office 2007;

- Máy tính được kết nối internet và mở các cổng 9000, 9001.

- Đối với công ty có giới hạn băng thông internet, khuyến nghị mở băng thông đối với máy tính cài Phần mềm hỗ trợ tối thiểu 150kb/s.

2. Thiết bị lưu chứng thư số (Token) do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp.

Điều 12. Quy định về cập nhật thông tin cơ sở trên FMS

1. Thông tin cơ sở trên FMS bao gồm các thông tin sau:

- Thông tin cơ sở của Công ty quản lý quỹ bao gồm:

+ Hồ sơ công ty quản lý quỹ;

+ Thông tin về chi nhánh công ty quản lý quỹ;

+ Thông tin về văn phòng đại diện của công ty quản lý quỹ;

+ Thông tin về các bên liên quan (công ty con, công ty liên kết);

+ Thông tin về nhân viên của công ty quản lý quỹ;

+ Thông tin về nhà đầu tư ủy thác;

+ Thông tin về các quỹ đầu tư mà công ty quản lý quỹ quản lý;

+ Thông tin về cổ đông của công ty quản lý quỹ;

+ Thông tin về danh sách nhà đầu tư, danh sách đại lý của Quỹ đầu tư;

- Thông tin cơ sở của Văn phòng đại diện/ Chi nhánh tại Việt Nam của

công ty quản lý quỹ nước ngoài bao gồm:

+ Hồ sơ Văn phòng đại diện/ Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài;

+ Thông tin về Nhân viên của Văn phòng đại diện/ Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài;

- Thông tin cơ sở của Ngân hàng giám sát bao gồm:

+ Hồ sơ Ngân hàng giám sát;

+ Thông tin về nhân viên của Ngân hàng giám sát;

+ Thông tin về giám sát hoạt động quản lý quỹ.

2. Yêu cầu về cập nhật thông tin cơ sở:

- Thành viên phải sử dụng Phần mềm hỗ trợ để cập nhật những Thông tin cơ sở trên FMS trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo của Cục CNTT về việc cập tài khoản truy cập FMS.

- Thành viên có trách nhiệm cập nhật các thông tin cơ sở khi phát sinh các thay đổi liên quan. Việc cập nhật thông tin cơ sở được thực hiện đồng thời với việc gửi báo cáo qua FMS theo các quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Điều 13. Quy định về báo cáo của FMS

Báo cáo của hệ thống FMS được quy định chi tiết tại Phụ lục 3, Quy chế này, bao gồm:

1. Báo cáo của công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ thực hiện gửi các báo cáo qua FMS theo quy định tại Mục I.

2. Báo cáo của quỹ đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Mục II, bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo quỹ đóng/quỹ thành viên.

- Báo cáo quỹ mở.

- Báo cáo quỹ ETF.

- Báo cáo quỹ bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản.

3. Báo cáo công ty đầu tư chứng khoán: Theo quy định tại Mục III.

4. Báo cáo của Văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam: Theo quy định tại Mục IV.

5. Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài: Báo cáo theo quy định tại Mục V.

6. Báo cáo của Ngân hàng giám sát: Theo quy định tại Mục VI.

7. Các báo cáo khác.

Điều 14. Hướng dẫn gửi báo cáo trên FMS

1. Thành viên gửi báo cáo trên FMS theo trình tự như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào Phần mềm hỗ trợ bằng tài khoản đã được cấp

Bước 2: Tải biểu mẫu báo cáo

Thành viên vào Menu Gửi Báo cáo/Biểu mẫu trên Phần mềm hỗ trợ để lấy file excel biểu mẫu báo cáo và nhập các thông tin cho báo cáo.

Bước 3: Thực hiện Import file Biểu mẫu báo cáo

Bước 4: Thực hiện Đính kèm file báo cáo

Bước 5: Kích chọn chức năng “Gửi báo cáo” và nhập các thông tin chữ ký số để gửi báo cáo lên UBCKNN

Bước 6: Kiểm tra Email phản hồi hoặc Trạng thái của báo cáo đã gửi trong Phần mềm hỗ trợ (mục Lịch sử gửi báo cáo).

(Chi tiết các bước thực hiện gửi báo cáo, gửi báo cáo thay thế, hủy báo cáo, cập nhật thông tin cơ sở theo hướng dẫn trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng Phần mềm hỗ trợ)

2. Trường hợp Thành viên đề nghị được gửi lại báo cáo: Thành viên chỉ được gửi lại báo cáo khi màn hình nộp báo cáo hiển thị trạng thái “Yêu cầu gửi lại” hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

3. Trường hợp UBCKNN từ chối báo cáo Thành viên đã gửi nhưng không hợp lệ: UBCKNN thông báo cho Thành viên qua email hoặc Phần mềm hỗ trợ (màn hình nộp báo cáo hiển thị trạng thái “Yêu cầu gửi lại”), Thành viên phải gửi lại báo cáo theo quy định.

Điều 15. Yêu cầu về cập nhật FMS

Thành viên phải có trách nhiệm thường xuyên cập nhật Phần mềm hỗ trợ, các File biểu mẫu báo cáo do UBCKNN cung cấp thông qua FMS.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. UBCKNN tổ chức thực hiện triển khai hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ cho Thành viên tham gia sử dụng FMS như sau:

- Cục Công nghệ Thông tin chịu trách nhiệm quản lý, quản trị, vận hành FMS; hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho Thành viên và các đơn vị liên quan trong quá trình đăng ký và sử dụng FMS; hướng dẫn Thành viên sử dụng chữ ký số theo quy định trong giao dịch điện tử.

- Vụ Quản lý các Công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán chịu trách nhiệm hướng dẫn và hỗ trợ về nghiệp vụ cho Thành viên trong quá trình sử dụng FMS.

2. Trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày Quyết định ban hành Quy chế này có hiệu lực, Thành viên phải hoàn thành xong việc đăng ký tài khoản sử dụng FMS theo quy định tại Điều 10. UBCKNN bắt đầu tiếp nhận báo cáo qua hệ thống FMS ngay sau khi Quyết định ban hành Quy chế này có hiệu lực.

3. Trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ khi Quyết định ban hành Quy chế có hiệu lực, Thành viên thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin song song dưới hai hình thức: Hình thức điện tử qua FMS và hình thức hiện tại Thành

viên vẫn đang thực hiện. Sau thời hạn này, Thành viên chỉ thực hiện bằng hình thức điện tử qua FMS.

Điều 17. Hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ

UBCKNN thực hiện hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ cho người dùng Hệ thống, cụ thể như sau:

1. Đối với các yêu cầu về kỹ thuật

Liên hệ với Cục Công nghệ Thông tin - UBCKNN: Điện thoại: 0439350177 hoặc 0439340750 (máy lẻ 419) hoặc qua địa chỉ email: **hotrofms@ssc.gov.vn**; hoặc làm việc trực tiếp với bộ phận hỗ trợ kỹ thuật tại Phòng 417, tầng 4, tòa nhà UBCKNN, 164 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Đối với các yêu cầu về nghiệp vụ

Liên hệ với Vụ Quản lý các công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán - UBCKNN: Điện thoại: 0439340750 (máy lẻ 323) hoặc qua địa chỉ email: **quanlyquyfms@ssc.gov.vn**; hoặc làm việc trực tiếp với bộ phận hỗ trợ nghiệp vụ tại Phòng 311, tầng 3, tòa nhà UBCKNN, 164 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị người dùng phản ánh kịp thời về UBCKNN theo địa chỉ tại Điều 17 Quy chế này để được hỗ trợ và giải quyết.

2. Việc thay thế sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Liên Hoa

Phụ lục 01: Mẫu đăng ký sử dụng hệ thống FMS

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBCK ngày 09/01/2015 về ban hành Quy chế hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Tên tổ chức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ THAM GIA SỬ DỤNG HỆ THỐNG FMS

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên tổ chức:.....

Xác nhận tham gia Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư (FMS) của UBCKNN và đăng ký thông tin tạo tài khoản sử dụng Hệ thống FMS như sau:

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Email (*):..... Điện thoại..... Fax:.....

4. Nghiệp vụ kinh doanh:.....

5. Số giấy phép thành lập và hoạt động (cấp lần đầu):

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

6. Thông tin về người dùng trực tiếp tham gia sử dụng FMS

Họ và tên	Email	Điện thoại di động	Ghi chú
6.1 Người dùng Tài khoản chính			
6.2 Người dùng Tài khoản phụ			
1.			
2.			
...			

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký./.

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (*) Email liên lạc để nhận thông tin phản hồi từ FMS.

- Đề nghị gửi bản đăng ký này cho UBCKNN theo địa chỉ:

Cục CNTT - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 164 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0439350177 hoặc 043 9340750 (máy lẻ 419)

Fax: 04.39350943; Email: hotrofms@ssc.gov.vn

Phụ lục 02: Thông báo thông tin tài khoản FMS

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBCK ngày 05/01/2015 về ban hành Quy chế hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số /CNTT

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

THÔNG TIN TÀI KHOẢN SỬ DỤNG HỆ THỐNG FMS

- 1. Tên tổ chức:
- 2. Địa chỉ:
- 3. Mã tài khoản:
- 4. Địa chỉ email:
- 5. Thông tin tài khoản:

STT	Tên đăng nhập	Mật khẩu	Ghi chú
5.1 Thông tin tài khoản chính			
			Tài khoản chính cho phép người dùng thực hiện tất cả các chức năng của hệ thống FMS dành cho Thành viên
5.2 Thông tin tài khoản phụ			
1			Tài khoản phụ không được thực hiện chức năng gửi báo cáo và công bố thông tin.
2			
...			

6. Yêu cầu khi sử dụng tài khoản:

- Công ty thực hiện **cài đặt Phần mềm hỗ trợ và đổi mật khẩu** ngay sau khi nhận được thông tin tài khoản. (Công ty tải Phần mềm cài đặt và Tài liệu hướng dẫn sử dụng tại “Trang hỗ trợ các ứng dụng CNTT của UBCKNN” trên cổng thông tin điện tử www.ssc.gov.vn của UBCKNN).
- Địa chỉ email là **địa chỉ email duy nhất** được sử dụng để nhận thông tin phản hồi sau khi gửi báo cáo từ FMS. Trong trường hợp thay đổi email liên lạc, công ty phải thông báo cho Cục Công nghệ Thông tin - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Địa chỉ hỗ trợ và giải đáp các vấn đề liên quan

- Cục Công nghệ Thông tin - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Địa chỉ: số 164 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Điện thoại: 0439350177 hoặc 043 9340750 (máy lẻ 419); Fax: 04.39350943;
- Email: hotrofms@ssc.gov.vn;

Phụ lục 03: Danh sách báo cáo

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBCK ngày 09/01/2015 về ban hành Quy chế hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

STT	Tên báo cáo	Tần suất	Quy mô	Loại	Nội dung	Chức năng	Quy định
1	Báo cáo tài chính			x	x	x	- Mẫu số B01, B02, B03, B05 Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ; - Mẫu số B01a, B02a, B03a Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp
2	Báo cáo hoạt động định kỳ		x	x		x	Phụ lục 09 Thông tư 212/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ (Thông tư 212/2012/TT-BTC).
3	Báo cáo quản lý danh mục đầu tư		x				Phụ lục 10 Thông tư 212/2012/TT-BTC
4	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính		x				Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (Thông tư

STT	Tên báo cáo	Thẩm	Trình	Quy	Báo	Năm	Căn cứ	Chỉ định
							165/2012/TT-BTC)	
5	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bất thường						Thông tư 165/2012/TT-BTC, Thông tư 226/2010/TT-BTC	Báo cáo theo ngày, tuần, nửa tháng
6	Báo cáo quản trị rủi ro				x	x	Quyết định số 427/QĐ-UBCK ngày 11/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn đánh giá, xếp loại công ty quản lý quỹ.	
7	Báo cáo danh sách người được cấp chứng chỉ hành nghề							Báo cáo đính kèm, không import
8	Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ					x	Thông tư 212/2012/TT-BTC (Khoản 7 Điều 9)	Báo cáo đính kèm, không import
9	Báo cáo kiểm soát nội bộ					x	Thông tư 212/2012/TT-BTC (Khoản 5 Điều 10)	Báo cáo đính kèm, không import
10	Báo cáo tình hình đầu tư chứng khoán, trích lập và xử lý dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán					x	Phụ lục I Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (Thông tư 146/2014/TT-BTC)	
11	Báo cáo tình hình đầu tư tài chính dài hạn, trích lập và xử lý dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn					x	Phụ lục II Thông tư 146/2014/TT-BTC	
12	Báo cáo tình hình Quản lý rủi ro							
13	Báo cáo tình hình Quản lý rủi ro							

STT	Tên báo cáo	Thần	Thương	Quý	Bán nợ	Nhu	Căn cứ	Chức vụ
1.1	Báo cáo tài chính			x	x	x	Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán (Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC).	
1.2	Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng quỹ đóng	x					Phụ lục số 16 Thông tư 224/2012/TT-BTC ngày 26/12/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên (Thông tư 224/2012/TT-BTC).	
1.3	Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng quỹ thành viên		x				Phụ lục 16 Thông tư 224/2012/TT-BTC.	
1.4	Báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư		x	x		x	Phụ lục 17 Thông tư 224/2012/TT-BTC	
1.2	Báo cáo tài chính							
2.1	Báo cáo tài chính			x	x	x	Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (Thông tư 198/2012/TT-BTC)	
2.2	Báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư		x	x		x	Phụ lục số 34 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở (Thông tư 183/2011/TT-BTC)	
2.3	Báo cáo hoạt động vay, giao dịch mua bán lại		x	x		x	Phụ lục 31 Thông tư 183/2011/TT-BTC	
2.4	Báo cáo thống kê phí giao dịch				x	x	Phụ lục 27 Thông tư 183/2011/TT-BTC	

STT	Tên báo cáo	Tháng	Quý	Bán mươi	Năm	Căn cứ	Chú thích	
2.5	Thông báo giá trị tài sản ròng					Phụ lục 24 Thông tư 183/2011/TT-BTC	Kỳ báo cáo này theo quy định tại điều lệ của quỹ	
2.6	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng		x	x	x	Phụ lục 26 Thông tư 183/2011/TT-BTC		
2.7	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ				x	x	Phụ lục 28 Thông tư 183/2011/TT-BTC	Báo cáo đính kèm, không import
1.3 Báo cáo định kỳ ETF								
3.1	Báo cáo tài chính			x	x	x	Thông tư 198/2012/TT-BTC	
3.2	Báo cáo về các giao dịch tài sản quỹ ETF		x	x		x	Phụ lục 19 Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục (Thông tư 229/2012/TT-BTC)	
3.3	Báo cáo thống kê phí giao dịch trong hoạt động đầu tư				x	x	Phụ lục 17 Thông tư 229/2012/TT-BTC	
3.4	Báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư		x	x		x	Phụ lục 18 Thông tư 229/2012/TT-BTC	
3.5	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	x					Phụ lục 15 Thông tư 229/2012/TT-BTC	
3.6	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ ETF				x	x	Phụ lục 16 Thông tư 229/2012/TT-BTC	Báo cáo đính kèm, không import
1.3 Báo cáo định kỳ Quỹ Bảo trợ xã hội và Quỹ từ thiện vì cộng đồng								
4.1	Báo cáo tài chính			x	x	x	Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC	

TT	Tên báo cáo	Trần	Tháng	Quý	Bán niên	Năm	Căn cứ	Chú ý
4.2	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	x					Phụ lục 25 Thông tư 228/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư bất động sản (Thông tư 228/2012/TT-BTC)	
4.3	Báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư		x	x		x	Phụ lục 22 Thông tư 228/2012/TT-BTC	
4.4	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bất động sản/Công ty đầu tư chứng khoán bất động sản				x	x	Phụ lục 24 Thông tư 228/2012/TT-BTC	Báo cáo đính kèm, không import
	Báo cáo của công ty đầu tư chứng khoán							
1	Báo cáo tài chính			x	x	x	Thông tư 198/2012/TT-BTC	
2	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	x					Phụ lục 17 Thông tư 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán (Thông tư 227/2012/TT-BTC)	
3	Báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư		x	x		x	Phụ lục 18 Thông tư 227/2012/TT-BTC	
4	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán						Phụ lục 19 Thông tư 227/2012/TT-BTC	Báo cáo đính kèm, không import
	Báo cáo của các phòng tại đơn vị công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam							

TTT	Tên báo cáo	Trần	Thương	Quý	Bản mềm	Năm	Căn cứ	Ghi chú
	Báo cáo tình hình hoạt động			x		x	Phụ lục 07 Thông tư 91/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký thành lập, tổ chức và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Thông tư 91/2013/TT-BTC)	
V	Báo cáo của chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài							
1	Báo cáo tình hình hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam		x			x	Phụ lục 10 Thông tư 91/2013/TT-BTC	
2	Báo cáo tình hình quản lý danh mục đầu tư		x			x	Phụ lục 11 Thông tư 91/2013/TT-BTC	
VI	Báo cáo của ngân hàng giám sát							
1	Báo cáo giám sát quỹ đóng/quỹ thành viên		x	x		x	Phụ lục 18 Thông tư 224/2012/TT-BTC	
2	Báo cáo giám sát quỹ mở				x	x	Phụ lục 30 Thông tư 183/2011/TT-BTC	
3	Báo cáo giám sát quỹ ETF		x	x		x	Phụ lục 11 Thông tư 229/2012/TT-BTC	
4	Báo cáo giám sát quỹ bất động sản		x	x		x	Phụ lục 23 Thông tư 228/2012/TT-BTC	
5	Báo cáo giám sát Công ty đầu tư chứng khoán		x	x		x	Phụ lục 20 Thông tư 227/2012/TT-BTC	
6	Báo cáo giám sát bất thường							Báo cáo đính kèm, không import

